

BÀI 4

Kết quả cần đạt

- *Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu (hình ảnh, ngôn ngữ) của những bài ca dao thuộc chủ đề than thân và chủ đề châm biếm trong bài học.*
- *Nắm được khái niệm đại từ, ý nghĩa của đại từ; có ý thức sử dụng đại từ hợp với tình huống giao tiếp.*
- *Nâng cao thêm một bước khả năng tạo lập một văn bản thông thường và đơn giản.*

VĂN BẢN

NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

1. Nước non lặn đận⁽¹⁾ một mình,
Thân cò lên thác xuống ghềnh⁽²⁾ bấy nay.
Ai làm cho bể kia đầy⁽³⁾,
Cho ao kia cạn⁽⁴⁾, cho gầy cò con ?
2. Thương thay thân phận con tằm,
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.
Thương thay lũ kiến li ti,
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
Thương thay hạc⁽⁵⁾ lánh đường mây,
Chim bay mỗi cánh biết ngày nào thôi.
Thương thay con cuốc⁽⁶⁾ giữa trời,
Đầu kêu ra máu có người nào nghe.
3. Thân em như trái bần⁽⁷⁾ trôi,
Gió dập sóng dồi biết tấp⁽⁸⁾ vào đâu.

Chú thích

(1) *Lặn đận* : vất vả vì gặp quá nhiều khó khăn, trắc trở.

(2) *Thác* : chỗ dòng nước chảy xiết, vượt qua vách đá cao chắn ngang sông, suối, làm nước đổ mạnh xuống ; *ghềnh* : chỗ lòng sông bị thu hẹp và nông, có đá lởm chởm nhô cao và nằm chắn ngang làm cho dòng nước dồn lại và chảy xiết. *Thác ghềnh* : chỉ sự khó khăn, trắc trở.

(3), (4) *Bể đầy*, *ao cạn* : chỉ cảnh ngang trái (nghĩa bóng). Trong thực tế, khi "bể đầy", "ao cạn" thì cò rất khó kiếm ăn.

(5) *Hạc* (chim hạc) : chim lớn, cẳng cao, cổ và mỏ dài, thường được dùng tượng trưng cho sự sống lâu. Ở đây là hình ảnh ẩn dụ nói về cuộc đời phiêu bạt và những cố gắng vô vọng của người lao động trong xã hội cũ.

(6) *Con cuốc* : chim nhỏ, hơi giống gà, sống ở bờ bụi gần nước, có tiếng kêu "cuốc, cuốc" ; chim cuốc (có khi viết là *quốc*) còn được gọi là *đỗ quyên*, *đỗ vũ*. Theo truyền thuyết Trung Quốc, Thục Đế mất nước, hồn biến thành chim cuốc,

kêu nhớ nước (*quốc* : nước) đến nhỏ máu ra mà chết. Tiếng kêu chim cuốc trong bài biểu hiện cho nỗi khổ đau oan trái của người lao động.

(7) *Trái bần* : trái (quả) của cây bần – loại cây to mọc ở vùng nước lợ, trái tròn dẹt, ăn chua và chát, có rễ phụ nhọn và xộp, mọc ngược lên khỏi mặt bùn.

(8) *Gió đập sóng đôi* : ở đây ý nói gió to, sóng lớn dồn dập xô đẩy.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Trong ca dao, người nông dân thời xưa thường mượn hình ảnh con cò để diễn tả cuộc đời, thân phận của mình. Em hãy sưu tầm một số bài ca dao để chứng minh điều đó và giải thích vì sao.

2. Ở bài 1, cuộc đời lận đận, vất vả của con cò được diễn tả như thế nào? Ngoài nội dung than thân, bài ca này còn có nội dung nào khác?

3. Em hiểu cụm từ "Thương thay" như thế nào? Hãy chỉ ra những ý nghĩa của sự lặp lại cụm từ này trong bài 2.

4. Hãy phân tích những nỗi thương thân của người lao động qua các hình ảnh ẩn dụ trong bài 2.

5.* Em hãy sưu tầm một số bài ca dao mở đầu bằng cụm từ "Thân em". Những bài ca ấy thường nói về ai, về điều gì và thường giống nhau như thế nào về nghệ thuật?

6. Bài 3 nói về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Hình ảnh so sánh ở bài này có gì đặc biệt? Qua đây, em thấy cuộc đời người phụ nữ trong xã hội phong kiến như thế nào?

Ghi nhớ

Những câu hát than thân có số lượng lớn và rất tiêu biểu trong kho tàng ca dao, dân ca Việt Nam. Những câu hát đó thường dùng các sự vật, con vật gần gũi, nhỏ bé, đáng thương làm hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ, so sánh để diễn tả tâm trạng, thân phận con người. Ngoài ý nghĩa "than thân", đồng cảm với cuộc đời đau khổ, đắng cay của người lao động, những câu hát này còn có ý nghĩa phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy nêu những điểm chung về nội dung và nghệ thuật của ba bài ca dao.
2. Học thuộc các bài ca dao đã học.

ĐỌC THÊM

- Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào^(a) ông hãy xáo măng^(b).
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

- Gánh cực mà đở lên non,
Cong lưng mà chạy, cực còn theo sau.

- Thân em như hạt mưa sa
Hạt vào đài các^(c), hạt ra ruộng cày.

- Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dậu^(d), vai mang súng dài.
Một tay thì cắp hoả mai^(e),
Một tay cắp giáo, quan sai xuống thuyền.
Tùng tùng trống đánh ngũ liên^(g),
Chân bước xuống thuyền nước mắt như mưa^(h).

(a) *Có lòng*: có lòng tốt với ai đó. Ở đây nói *có lòng nào* lại là có ý gì đó không tốt.

(b) *Xáo*: nấu chín với ít nước và có các gia vị, không cho mỡ. *Xáo măng*: thịt cò vốn tanh, nấu với măng sẽ không tanh và mềm thịt.

(c) *Đài các*: nền cao và nhà gác, chỉ nơi ở của người giàu sang, quyền quý ngày xưa.

(d) *Nón dậu*: nón bằng tre, quét sơn, có chóp, của binh lính thời xưa.

(e) *Hoả mai*: súng dùng môi lửa để châm ngòi.

(g) *Ngũ liên*: (trống đánh) dồn dập, liên năm tiếng một để thúc giục hay báo động khẩn cấp (*ngũ*: năm, *liên*: liền, liên tiếp).

(h) Đây là bài ca dao về người lính thú ngày xưa (*lính thú*: lính canh đồn biên giới thời phong kiến).